

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31-12-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn V trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 12 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Việt tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Việt uống rượu say, đánh chửi và đuổi chị đi. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh Việt đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn V có hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Tuấn Đăng P, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005. Ly hôn chị T có quan điểm được nuôi con Nguyễn Tuấn Đăng P. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Tuấn K đã trưởng thành, chị để con tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn Đăng P, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại xã Đ, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ **khoản 2 Điều 227**; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 12 năm 2002, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V có hai con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Tuấn Đăng P, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005. Chị T có quan điểm được nuôi con Nguyễn Tuấn Đăng P, con chung Nguyễn Tuấn K đã trưởng thành nên chị để con tự quyết định cuộc sống của mình. Anh Nguyễn Văn V không có quan điểm về con chung. Xét, con chung Nguyễn Tuấn Đăng P hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha, mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng cần đảm bảo cho con chung được phát triển trong điều kiện tốt nhất. Căn cứ lời khai của chị T và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập cho thấy từ khi vợ chồng ly thân con chung Nguyễn Tuấn Đăng P do chị T nuôi dưỡng đã ổn định, về phía anh Việt không có quan điểm về con chung, cháu Nguyễn Tuấn Đăng P có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc cháu Phong ở với chị T sẽ đảm bảo được quyền lợi tốt hơn. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Tuấn Đăng P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Nguyễn Tuấn K đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Việt không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn V không có quan điểm về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, **khoản 2 Điều 227**; khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn Đăng P, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2005 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Tuấn K sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003988 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã Đ, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Liên